

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông PVcomBank

Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVcomBank đã được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng nhất trí thông qua. Trên cơ sở đó, PVcomBank đã thực hiện thông báo bản Điều lệ đã sửa đổi, bổ sung tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan chức năng khác theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua đã có nhiều văn bản quy định pháp luật mới được ban hành:

(1) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, thay thế Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán kể từ ngày 01/01/2021.

(2) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, thay thế Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 kể từ ngày 01/01/2021.

(3) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, thay thế Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng kể từ ngày 01/01/2021.

(4) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, thay thế Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng kể từ ngày 15/02/2021.

Việc thay đổi các quy định pháp luật nêu trên dẫn đến thay đổi một số nội dung có liên quan của Điều lệ PVcomBank. Do đó, PVcomBank đã thực hiện rà soát lại Điều lệ và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ PVcomBank cho phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung Điều lệ PVcomBank

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: *Việc tổ chức và hoạt động tổ chức tín dụng phải tuân theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật các Tổ chức tín dụng và các luật khác có liên quan về tổ chức, hoạt động tổ chức tín dụng thì áp dụng theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.*

Theo đó, PVcomBank đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ PVcomBank dựa trên các nguyên tắc sau đây:

➤ Đối với những nội dung đã được quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung): Áp dụng theo Luật các Tổ chức tín dụng.

➤ Đối với những nội dung chưa được quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung): Áp dụng theo Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Nội dung đề xuất

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt một số nội dung về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của PVcomBank như sau:

2.1. Những nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

2.2. Nhằm hoàn thiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVcomBank cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị PVcomBank kính trình Đại hội đồng cổ đông:

(i) Thông qua bản dự thảo Điều lệ (đã được sửa đổi, bổ sung) đính kèm.

(ii) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị PVcomBank hoàn thiện bản dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021 và thực hiện các thủ tục ban hành Điều lệ (đã được sửa đổi, bổ sung) theo quy định của pháp luật.

Kính trình!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ PVcomBank;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Lâm

**PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM NĂM 2021**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-DHĐCĐ2021 ngày / /2021 của Hội đồng quản trị PVcomBank)

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
1	Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số khái niệm quy định tại Điều 1		
-	1.3. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ;	1.3. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật này.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
-	1.4. “Luật các Tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật số 17/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ;	1.4. “Luật các Tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật số 17/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung <u>hoặc thay thế</u> Luật này.	Bổ sung “văn bản thay thế” cho toàn diện
-	1.5. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được	1.5. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QĐ14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật này.	Cập nhật theo Luật Chứng khoán 2019

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ;		
-	1.13. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, xác nhận <u>quyền và lợi ích hợp pháp</u> của người sở hữu đối với một hoặc một số Cổ phần của Ngân hàng. <u>Cổ phiếu phát hành dưới hình thức chứng chỉ có thể là cổ phiếu ghi danh hoặc không ghi danh;</u>	1.13. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, <u>bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử</u> xác nhận <u>quyền sở hữu</u> một hoặc một số Cổ phần của Ngân hàng.	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	1.17. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản hoặc <u>tệp</u> dữ liệu điện tử được quy định tại Điều 18 của Điều lệ này;	1.17. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản <u>giấy</u> hoặc <u>tệp</u> dữ liệu điện tử <u>ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Ngân hàng</u> được quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 1 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	1.18. “Cổ phiếu quỹ” là cổ phiếu của chính Ngân hàng đã phát hành và được Ngân hàng mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;		Bỏ khái niệm “Cổ phiếu quỹ” do không phù hợp Điều 36 Luật Chứng khoán 2019 và Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng. Ngoài ra khái niệm này không được sử dụng ở nội dung Điều lệ.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	1.19. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả <u><i>hàng năm</i></u> cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác <u><i>từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính</i></u> ;	1.18. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 5 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020
-		1.28. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.	Bổ sung theo khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.
-		1.29. “Giấy tờ pháp lý của tổ chức” là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.	Bổ sung theo khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.
-		1.30. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	Bổ sung theo khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.
2	Sửa đổi khoản 4 và điểm 5.3 khoản 5 Điều 2 “Tên gọi, hình thức, trụ sở chính, đại diện theo pháp luật, mạng lưới hoạt động và thời gian hoạt động”		
-	4. Hệ thống mạng lưới của Ngân hàng Các Đơn vị thuộc hệ thống mạng lưới của Ngân hàng gồm: các Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự	4. Hệ thống mạng lưới của Ngân hàng Các Đơn vị thuộc hệ thống mạng lưới của Ngân hàng gồm: các chi nhánh, <u><i>phòng giao dịch</i></u> , văn phòng đại	Đề xuất bổ sung “phòng giao dịch” vào các đơn vị thuộc mạng lưới của Ngân hàng cho phù hợp với khoản 1 Điều 3

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>nghiệp, hiện diện thương mại, Hội sở chính, Công ty con và các công ty liên kết do Ngân hàng góp vốn, mua cổ phần và các hình thức khác phù hợp quy định Pháp luật.</p> <p>Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại, Công ty con của Ngân hàng được thành lập theo yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, phù hợp quy định của NHNN và có đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.</p> <p>Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại của Ngân hàng mở tại nước ngoài khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp thuận.</p>	<p>diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại, Hội sở chính, Công ty con và các công ty liên kết do Ngân hàng góp vốn, mua cổ phần và các hình thức khác phù hợp quy định Pháp luật.</p> <p>Chi nhánh, <u>phòng giao dịch</u>, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại, Công ty con của Ngân hàng được thành lập theo yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, phù hợp quy định của NHNN và có đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.</p> <p>Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại của Ngân hàng mở tại nước ngoài khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp thuận.</p>	<p>Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 9/9/2013 của NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại (đã sửa đổi, bổ sung).</p>
-	<p>5.3. Ban Kiểm soát là cơ quan đại diện cổ đông, <u>có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính và các hoạt động khác</u> của Ngân hàng.</p>	<p>5.3. Ban Kiểm soát là cơ quan đại diện cổ đông, <u>thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</u> của Ngân hàng.</p>	<p>Tiết 5.3 khoản 5 được sửa đổi cho phù hợp với Điều 44 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (đã sửa đổi, bổ sung).</p>
3	Sửa đổi khoản 4 Điều 4 “Phạm vi kinh doanh và hoạt động”		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	4. Ngân hàng có quyền từ chối cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tiền vay, tài sản và thông tin liên quan đến tài sản của khách hàng và bí mật hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, trừ trường hợp có yêu cầu <u>bằng văn bản</u> của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự chấp thuận <u>bằng văn bản</u> của khách hàng theo quy định pháp luật hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	4. Ngân hàng có quyền từ chối cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tiền vay, tài sản và thông tin liên quan đến tài sản của khách hàng và bí mật hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự chấp thuận của khách hàng theo quy định pháp luật hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Đề xuất bỏ nội dung yêu cầu của cơ quan Nhà nước phải lập “ <u>bằng văn bản</u> ” để phù hợp với khoản 3 Điều 14 Luật các TCTD và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP.
4	Sửa đổi khoản 6 Điều 11 “Thay đổi Vốn điều lệ”		
-	6. Sau khi đã thay đổi Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, <u>Ngân hàng đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Vốn điều lệ mới, và gửi văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận số Vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của cơ quan Công chứng/chứng thực theo quy định của pháp luật), báo cáo kết quả thực hiện thay đổi mức Vốn điều lệ, danh sách cổ đông theo quy định của NHNN, đồng thời phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số Vốn điều lệ mới của Ngân hàng.</u>	6. Sau khi đã thay đổi Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, <u>Ngân hàng thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và công bố nội dung thay đổi đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Luật các Tổ chức tín dụng.</u>	Khoản 6 Điều 11 Điều lệ trước đây được quy định theo khoản 2 Điều 25 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN. Tuy nhiên, Thông tư số 06/2010/TT-NHNN đã bị thay thế bởi Thông tư 50/2018/TT-NHNN. Thông tư 50/2018/TT-NHNN đã không còn quy định nội dung này. Do đó, PVcomBank điều chỉnh lại khoản 6 Điều 11 Điều lệ cho phù hợp với quy định về đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Luật Doanh nghiệp 2020.
5	Sửa đổi khoản 6 Điều 12 “Cổ phần”		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	6. <u>Trường hợp cổ đông góp vốn bằng tài sản, thì phải là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh của Ngân hàng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u> Việc định giá tài sản góp vốn, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu các tài sản này thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu. Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền định giá tài sản góp vốn vào Ngân hàng và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản góp vốn.	6. Việc định giá tài sản góp vốn, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu các tài sản này thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu. Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền định giá tài sản góp vốn vào Ngân hàng và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản góp vốn.	Bỏ nội dung “ <u>Trường hợp cổ đông góp vốn bằng tài sản, thì phải là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh của Ngân hàng được Đại hội đồng cổ đông thông qua</u> ” để: (i) Phù hợp với quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 59 Luật các TCTD, Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020. (ii) Phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 36 Luật Doanh nghiệp 2020.
6	Sửa đổi khoản 1 và khoản 6 Điều 13 “Chào bán Cổ phần”		
-	1. Khi Ngân hàng tăng Vốn điều lệ, Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án tăng Vốn điều lệ. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần. Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: 1.1. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người	1. Khi Ngân hàng tăng Vốn điều lệ, Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án tăng Vốn điều lệ. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán Cổ phần. Giá bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: 1.1. Cổ phần bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu Cổ phần hiện có của họ ở Ngân hàng.	Sửa đổi theo Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định về việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 59 Luật các TCTD

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>bảo lãnh. <u>Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết;</u></p> <p>1.2. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu Cổ phần hiện có của họ ở Ngân hàng.</p> <p>1.3. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó <u>nếu được chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p>	<p>1.2. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; <u>trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>1.3. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó <u>do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.</u></p>	
	<p>6. Sau khi Cổ phần được <u>bán</u>, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu Cổ phần của cổ đông đó tại Ngân hàng. <u>Khi Ngân hàng tiến hành đăng ký giao dịch/nhiệm ý trên thị trường chứng khoán thì</u> việc chào bán Cổ phần của Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của NHNN.</p>	<p>6. Sau khi Cổ phần được <u>thanh toán đầy đủ</u>, các thông tin về cổ đông quy định tại <u>khoản 1 Điều 18</u> Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu Cổ phần của cổ đông đó tại Ngân hàng. Việc chào bán Cổ phần của Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định của NHNN.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 Điều 123 và khoản 5 Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2020.
7	Sửa đổi Điều 14 “Mua lại Cổ phần”		
	<p>1. Mua lại Cổ phần theo quyết định của Ngân hàng</p> <p>Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:</p>	<p>1. Thẩm quyền thông qua việc mua lại cổ phần của Ngân hàng:</p> <p>1.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phần đối với các trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng.</p>	Điều 14 được sửa đổi cho phù hợp với Điều 57 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 36, Điều 37 Luật Chứng khoán.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>1.1. Hội đồng quản trị Ngân hàng có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>1.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Ngân hàng và các Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p> <p>1.3. Ngân hàng có thể mua lại Cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho Ngân hàng.</p> <p>1.4. Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm</p>	<p>1.2. Hội đồng quản trị quyết định việc mua lại cổ phần đối với các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc Ngân hàng mua lại cổ phần của chính mình được thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 36, Điều 37 Luật Chứng khoán.</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>đến Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p> <p>2. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>2.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng Cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2.2. Ngân hàng phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn</p>		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán Cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>3. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại</p> <p>3.1. Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, Vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do NHNN quy định. Việc Ngân hàng mua lại Cổ phần của chính mình phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm Vốn điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>3.2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được coi là Cổ phần thu về và thuộc số Cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>3.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại được tiêu hủy bằng phương thức phù</p>		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>hợp ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Ngân hàng.</p> <p>3.4. Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.</p>		
8	Sửa đổi khoản 3 và khoản 5 Điều 15 “Chuyển nhượng cổ phần”		
-	<p>3. Các trường hợp chuyển nhượng Cổ phần sau đây phải được <u>Thống đốc</u> NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng: chuyển nhượng Cổ phần của cổ đông lớn, chuyển nhượng Cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại.</p>	<p>3. Các trường hợp chuyển nhượng Cổ phần sau đây phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:</p> <p>3.1. Chuyển nhượng Cổ phần của cổ đông lớn;</p> <p>3.2. Chuyển nhượng Cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại.</p>	Khoản 3 được sửa đổi cho phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 29 Luật các TCTD.
-	<p>5. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng Cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:</p> <p>5.1. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</p>	<p>5. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước</u> do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng Cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:</p>	Khoản 5 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật các TCTD.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;</p> <p>5.2. Bị bắt buộc chuyển nhượng Cổ phần theo quyết định của Tòa án;</p> <p>5.3. Chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>5.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;</p> <p>5.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng Cổ phần theo quyết định của Tòa án;</p> <p>5.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng Cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	
9	Sửa đổi Điều 18 “Sổ đăng ký cổ đông”		
-	<p>1. Sổ đăng ký cổ đông phải được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Ngân hàng được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông phải có những nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>1.2. Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán;</p> <p>1.3. Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp;</p> <p>1.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số <u>Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc</u></p>	<p>1. Sổ đăng ký cổ đông phải được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Ngân hàng được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông phải có những nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>1.2. Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán;</p> <p>1.3. Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp;</p> <p>1.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số <u>giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>mã số</u></p>	Khoản 1 được sửa đổi cho phù hợp với định nghĩa được bổ sung tại điểm 1.30, 1.31 khoản 1 Điều 1 Điều lệ.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p><u>chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp</u> đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>1.5. Số lượng Cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.</p>	<p><u>doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính</u> đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>1.5. Số lượng Cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.</p>	
-	<p>2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng <u>hoặc đơn vị quản lý Sổ đăng ký cổ đông được chỉ định hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam phù hợp quy định của pháp luật. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.</u></p>	<p>2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng <u>hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông.</u></p>	Khoản 2 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	<p>3. Trường hợp cổ đông có thay đổi <u>địa chỉ thường trú</u> thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</p>	<p>3. Trường hợp cổ đông có thay đổi <u>địa chỉ liên lạc</u> thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. <u>Ngân hàng phải cập nhật kịp thời thay đổi Cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan.</u></p>	Khoản 3 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 4, khoản 5 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020.
10	Sửa đổi các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 19 “Cổ phiếu”		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	<p>1. <u>Cổ phiếu của Ngân hàng có thể được chuyển nhượng, tặng cho và thừa kế theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>Cổ phiếu của Ngân hàng có thể được lưu ký tại Ngân hàng hoặc đơn vị do Ngân hàng chỉ định/đăng ký phù hợp với quy định của pháp luật.</u></p> <p>Cổ phiếu <u>dưới dạng chứng chỉ (nếu có) của Ngân hàng</u> bao gồm các thông tin chủ yếu sau:</p> <p>1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>1.2. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>1.3. Số lượng Cổ phần và loại Cổ phần;</p> <p>1.4. Mệnh giá mỗi Cổ phần và tổng mệnh giá số Cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>1.5. Họ, tên, địa chỉ <u>thường trú</u>, quốc tịch, số <u>Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác của</u> cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số <u>quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp</u> của cổ đông là tổ chức;</p> <p><u>1.6. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;</u></p> <p><u>1.7. Chữ ký mẫu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và</u></p>	<p>1. <u>Cổ phiếu là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của Ngân hàng.</u> Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>1.1. Tên, <u>mã số doanh nghiệp</u>, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>1.2. Số lượng Cổ phần và loại Cổ phần;</p> <p>1.3. Mệnh giá mỗi Cổ phần và tổng mệnh giá số Cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>1.4. Họ, tên, địa chỉ <u>liên lạc</u>, quốc tịch, số <u>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ</u> đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số <u>giấy tờ pháp lý</u> của tổ chức, <u>địa chỉ trụ sở chính đối với cổ</u> đông là tổ chức;</p> <p><u>1.5. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (đối với cổ phiếu phát hành dưới dạng chứng chỉ);</u></p> <p>1.6. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>1.7. Các nội dung khác theo quy định của Pháp luật.</p>	Khoản 1 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p><u>dấu của Ngân hàng;</u></p> <p>1.8. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>1.9. Các nội dung khác theo quy định của Pháp luật.</p>		
-	<p>2. <u>Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng cấp cổ phiếu hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phiếu hoặc cách thức khác theo quy định pháp luật để ghi nhận số vốn góp.</u> Trường hợp có sai sót do lỗi của Ngân hàng trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu của Ngân hàng không bị ảnh hưởng.</p>	<p>2. Trường hợp có sai sót do lỗi của Ngân hàng trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng.</p>	<p>Khoản 2 được sửa đổi để tránh trùng lặp với khoản 3 Điều 19 Điều lệ.</p>
-	<p>3. Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông sẽ được cấp <u>miễn phí một</u> giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần sau khi mua hoặc nhận Cổ phần chuyển nhượng <u>trong vòng 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành, hoặc của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng).</u> Các Cổ phần do thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, các cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) Tổng số Cổ phần của Ngân hàng và cổ đông nước ngoài sở hữu phải được đăng ký/báo cáo và công bố thông tin theo quy định pháp luật.</p>	<p>3. Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông, <u>nếu có yêu cầu</u> sẽ được cấp giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần sau khi mua hoặc nhận Cổ phần chuyển nhượng <u>theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.</u> Các Cổ phần do thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, các cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) Tổng số Cổ phần của Ngân hàng và cổ đông nước ngoài sở hữu phải được đăng ký/báo cáo và công bố thông tin theo quy định pháp luật.</p>	<p>Khoản 3 được sửa đổi cho phù hợp với trường hợp phát hành cổ phiếu dưới dạng bút toán ghi sổ.</p>
-	<p>4. Trường hợp cổ phiếu bằng chứng chỉ bị mất, <u>bị rách, bị cháy</u> hoặc <u>bị tiêu hủy</u> dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Ngân hàng bằng văn bản</p>	<p>4. Trường hợp cổ phiếu bằng chứng chỉ bị mất, <u>bị hư hỏng</u> hoặc <u>bị hủy hoại</u> dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Ngân hàng bằng văn bản và được</p>	<p>Khoản 4 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>và được Ngân hàng cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện cổ đông đó phải <u>xuất trình giấy tờ chứng minh và</u> thanh toán mọi chi phí liên quan cho Ngân hàng. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:</p> <p>4.1. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, <u>bị cháy</u> hoặc <u>bị tiêu hủy</u> dưới hình thức khác; <u>trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Ngân hàng để tiêu hủy; và</u></p> <p>4.2. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p><u>Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10 (mười) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có quyền yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Ngân hàng cấp cổ phiếu mới.</u></p>	<p>Ngân hàng cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện cổ đông phải thanh toán mọi chi phí liên quan cho Ngân hàng. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:</p> <p>4.1. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, <u>bị hư hỏng</u> hoặc <u>bị hủy hoại</u> dưới hình thức khác;</p> <p>4.2. <u>Cam kết</u> chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	
-	<p>6. Trong trường hợp phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông <u>trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày khai trương hoạt động hoặc</u> trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua trong trường hợp Ngân hàng tăng</p>	<p>6. Trong trường hợp phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua trong trường hợp Ngân hàng tăng vốn điều lệ.</p>	<p>Khoản 6 được sửa đổi do PVcomBank đã khai trương hoạt động.</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	vốn điều lệ.		
-	7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần trong Cổ phiếu <i>có ghi tên</i> , Cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và Ngân hàng sẽ cấp <i>miễn phí</i> chứng chỉ Cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần còn lại.	7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần trong Cổ phiếu <i>được phát hành dưới dạng chứng chỉ</i> , Cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và Ngân hàng sẽ cấp chứng chỉ Cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần còn lại.	Khoản 7 được sửa đổi cho phù hợp với trường hợp phát hành chứng chỉ cổ phiếu.
11	Sửa đổi Điều 20 “Phát hành trái phiếu”		
	<p>Việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác của Ngân hàng phải đảm bảo các quy định sau:</p> <p>1. Tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Đối với trái phiếu chuyển đổi:</p> <p>2.1. Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành;</p> <p>2.2. Việc Ngân hàng phát hành trái phiếu chuyển đổi phải được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua và được Thống đốc NHNN chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.3. Trên cơ sở Phương án phát hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát</p>	<p>Việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác của Ngân hàng phải đảm bảo tuân thủ quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p>	<p>Các quy định pháp luật về phát hành trái phiếu thường xuyên thay đổi, đặc biệt trái phiếu do Ngân hàng phát hành vừa phải chịu sự điều chỉnh của (i) Nghị định của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (ii) đồng thời chịu sự điều chỉnh của Thông tư do NHNN ban hành quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó, đề xuất sửa đổi Điều 20</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Những thông tin này phải được công khai vào thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>2.4. Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.</p>		theo hướng khái quát cho ổn định.
12	Sửa đổi khoản 1, bỏ khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 21 “Đại diện cổ đông”		
-	<p>1. Đại diện cổ đông tổ chức là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức để thực hiện các quyền của Cổ đông theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số Cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số Cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Ngân hàng và chỉ có hiệu lực đối với Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nhận được văn bản.</p> <p>Văn bản cử người đại diện phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	Khoản 1 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 3, khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
		<p>1.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông;</p> <p>1.2. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>1.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>1.4. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;</p> <p>1.5. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.</p>	
-	5. Trường hợp Cổ đông là tổ chức giải thể thì Cổ phần của Cổ đông này phải được chuyển nhượng <u>cho Cổ đông khác</u> theo quy định của pháp luật.		Đề nghị bỏ nội dung này do không liên quan đến Điều khoản “Đại diện cổ đông”.
-		<p>5. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Cổ đông là tổ chức phải chịu trách nhiệm về việc cử người đại diện theo ủy quyền đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định. Trong trường hợp cử người đại diện không đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định mà gây thiệt hại cho Ngân hàng và/hoặc cổ đông khác thì phải bồi thường cho Ngân hàng và/hoặc cổ đông bị thiệt hại.</p>	Bổ sung khoản 5 cho phù hợp với khoản 5 Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020 và yêu cầu quản lý của Ngân hàng.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
13	Sửa đổi khoản 2 và bổ sung các khoản 3, 4 Điều 24 “Quyền của Cổ đông phổ thông”		
-	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần của Ngân hàng trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có thêm các quyền sau:</p> <p>2.1. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>2.2. Được quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp quy định pháp luật;</p> <p>2.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>2.4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm 4.3 khoản 4 Điều 26 Điều lệ này. Trình tự, thủ tục yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 2 sửa đổi cho phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (đã sửa đổi, bổ sung).</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. 2.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
-		3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 8 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Điều lệ này.	Bổ sung khoản 3 cho phù hợp với khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
-		4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên có các quyền sau đây: 4.1. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng; 4.2. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần	Bổ sung khoản 4 cho phù hợp với điểm a, điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
		và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	
14	Bổ sung điểm 1.8 khoản 1 Điều 25 “Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông”		
-		<p>1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p><i>1.8. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp.</i></p>	Bổ sung điểm 1.8 khoản 1 cho phù hợp với khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020.
15	Sửa đổi khoản 2, khoản 3, điểm 4.4, điểm 4.5, điểm 4.6 khoản 4, khoản 5 và bổ điểm 4.2, điểm 4.3 khoản 4 Điều 26 “Đại hội đồng cổ đông”		
-	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính <u>hoặc muộn hơn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, nếu được Ngân hàng Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận gia hạn.</u>	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính <u>hoặc muộn hơn đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.</u>	Khoản 2 được sửa đổi để đảm bảo tính linh động trong việc áp dụng pháp luật và phù hợp với khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD.
-	3. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào	3. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình	Khoản 3 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 4 Điều 273

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ này quy định. <u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</u>	hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ này quy định. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u>	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
-	4.2. Tình hình tài chính của Ngân hàng cho thấy Ngân hàng lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của NHNN.		Bỏ điểm 4.2 do trong trường hợp Ngân hàng rơi vào tình trạng bị kiểm soát đặc biệt thì phải thực hiện theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt. Việc có triệu tập ĐHĐCĐ hay không sẽ được thực hiện theo yêu cầu của NHNN như điểm 4.7 khoản 4 Điều 26 Điều lệ 2019 đã quy định.
-	4.3. Khi cần quyết định chủ trương xử lý các vấn đề bất thường trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; các tranh chấp, tố tụng quan trọng; hoặc xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.		Bỏ điểm 4.3 do nội dung này đã nằm trong điểm 4.1 khoản 4 Điều 26 Điều lệ.
-	4.4. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này hoặc quy định của Pháp	4.2. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại <u>khoản 2 Điều 41, khoản 3</u>	Bổ sung thêm điều khoản dẫn chiếu tại Điều lệ cho dễ tham chiếu.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	luật có liên quan;	<i>Điều 42</i> Điều lệ này hoặc quy định của Pháp luật có liên quan;	
-	4.5. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần của Ngân hàng trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị có chữ ký của các Cổ đông có liên quan) phù hợp với quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;	4.3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần <i>phổ thông</i> của Ngân hàng trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng một văn bản <i>và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (văn bản kiến nghị có chữ ký của các Cổ đông/người đại diện hợp pháp của Cổ đông có liên quan). Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ chứng minh lý do kiến nghị phù hợp với quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;</i>	Sửa đổi điểm 4.5 cho phù hợp với khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	4.6. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp <i>nếu Ban Kiểm soát có lý do cho rằng Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của Người quản lý theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp; quy định tại Điều 46, Điều 47 Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</i>	4.4. <i>Theo yêu cầu của</i> Ban Kiểm soát;	Sửa đổi điểm 4.6 cho phù hợp với khoản 9 Điều 45 Luật các TCTD.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	5. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày <u>kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu quy định tại điểm 4.5, 4.6, 4.7 hoặc vào ngày xảy ra một trong các sự kiện khác nêu tại khoản 4 Điều này.</u>	5. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày <u>kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm 4.3 và điểm 4.4 khoản 4 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.</u>	Khoản 5 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.
16	Bổ sung điểm 1.3 và điểm 1.16 khoản 1 Điều 27 “Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông”		
-		1.3. Thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng;	Bổ sung theo điểm a khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020.
		1.16. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Ngân hàng và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.	Bổ sung theo điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020.
17	Sửa đổi Điều 28 “Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông”		
-	1. Cổ đông là cá nhân có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Người được ủy quyền không nhất thiết là Cổ đông của Ngân hàng và không được ứng cử với tư	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, pháp nhân khác dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 5 Điều này.	Hợp nhất khoản 1 và khoản 2 và sửa đổi cho phù hợp với khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>cách của chính mình.</p> <p>2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Ngân hàng trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>2.1. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ đông;</p> <p>2.2. Số lượng Cổ phần, loại Cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng;</p> <p>2.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>2.4. Số Cổ phần được ủy quyền đại diện;</p> <p>2.5. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;</p> <p>2.6. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.</p>		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	<p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <u>theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định</u> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>3.1. Trường hợp Cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>3.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>3.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>3.4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào dự họp.</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <u>theo quy định của pháp luật về dân sự và hướng dẫn của Ngân hàng</u>, trong đó phải nêu rõ tên cá nhân, pháp nhân được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, pháp nhân được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền và cung cấp các giấy tờ pháp lý cần thiết khác khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. <u>Nếu người đại diện dự họp không cung cấp đủ các giấy tờ pháp lý cần thiết để xác định tư cách người đại diện hợp pháp của cổ đông thì Người triệu tập họp có quyền từ chối việc đăng ký dự họp.</u></p>	<p>Khoản 3 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu (ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC).</p>
-	<p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ hoặc chấm dứt việc ủy quyền.</p>	<p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>3.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>3.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>3.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người</p>	<p>Khoản 4, khoản 5 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 Điều 16 Điều lệ mẫu (ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	5. Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng nếu Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này <u>chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.</u>	thực hiện việc ủy quyền. 4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện quy định tại khoản 3 Điều này <u>trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</u>	
-	6. Trường hợp Cổ đông là pháp nhân mới sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ thì Cổ đông này gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp luật về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về Cổ đông, cổ phiếu, Cổ phần và người dự họp theo quy định của Pháp luật.		Bỏ khoản 6 do trùng với khoản 3 Điều 21 Điều lệ.
	7. Ngoài việc tham dự cuộc họp theo hình thức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: 7.1. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; 7.2. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.	5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: 5.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; 5.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 5.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; 5.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. <u>5.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị khi triệu tập họp Đại</u>	Khoản 7 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
		<i>hội đồng cổ đông (nếu có).</i>	
18	Sửa đổi Điều 29 “Danh sách cổ đông có quyền dự họp”		
-	1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <i>không sớm hơn 05 ngày</i> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được <i>lập không quá 10 ngày</i> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. <i>Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</i>	Khoản 1 được sửa đổi theo khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
-	2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số <i>Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</i> đối với cá nhân hoặc người đại diện của Cổ đông là tổ chức; tên, địa chỉ trụ sở chính, số <i>quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp</i> đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần mỗi loại của từng Cổ đông, mã số Cổ đông hoặc mã số lưu ký chứng khoán theo quy định của đơn vị quản lý Cổ đông được chỉ định.	2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số <i>giấy tờ pháp lý của cá nhân</i> đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số <i>giấy tờ pháp lý của tổ chức</i> đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần mỗi loại của từng Cổ đông, mã số <i>và ngày đăng ký</i> Cổ đông hoặc mã số lưu ký chứng khoán theo quy định của đơn vị quản lý Cổ đông được chỉ định.	Khoản 2 được sửa đổi theo khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	3. Mỗi Cổ đông đều có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại	3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép <i>tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông</i> trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có	Hợp nhất khoản 3 và khoản 4 và sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.	quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.	
-	<u>5. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ phần đã chuyển nhượng.</u>	<u>4. Trình tự thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.</u>	Khoản 5 được thay thế bằng một nội dung khác cho phù hợp với thực tế áp dụng tại Ngân hàng.
19	Sửa đổi khoản 2, khoản 4, khoản 5 và bỏ khoản 3 Điều 30 “Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông”		
-	<p>2. Gửi giấy mời họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>2.1. Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho Cổ đông bằng <u>cách gửi qua bưu điện theo phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp. Khi xét thấy cần thiết, Ngân hàng có thể đăng Giấy mời họp trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, hoặc phương tiện thông tin đại chúng.</u></p> <p>2.2. Tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông được gửi cho Cổ đông theo một trong các phương thức sau:</p>	<p>2. Gửi giấy mời họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>2.1. Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho <u>tất cả các Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp.</u></p> <p>2.2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm Giấy mời họp Đại hội</p>	<p>- Sửa đổi khoản 2:</p> <p>+ Điểm 2.1 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>+ Điểm 2.2 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu (ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC).</p> <p>+ Điểm 2.3 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>a) Gửi kèm Giấy mời họp bằng cách gửi qua bưu điện theo phương thức bảo đảm theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp này, Giấy mời họp ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Ngân hàng gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.</p> <p>2.3. Giấy mời họp và tài liệu phải được gửi đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất nhất <u>10 (mười) ngày</u> trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông.</p>	<p>đồng cổ đông, Giấy mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>2.3. Giấy mời họp và tài liệu phải được gửi đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất nhất là <u>21 (hai mươi một) ngày</u> trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông.</p>	
-	<p><u>3. Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang web chính thức của Ngân hàng, 01 tờ báo trung ương và 01 Tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đóng trụ sở chính.</u></p>		<p>Đề xuất bãi bỏ khoản 3 bởi lý do:</p> <p>- Việc gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp và Điều 30 Điều lệ.</p> <p>- Ngoài ra, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
			16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán thì Ngân hàng (là công ty đại chúng) thực hiện công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trên trang thông tin điện tử của công ty và UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán (đối với công ty niêm yết) (khoản 3 Điều 10), không phải thực hiện đăng báo trung ương và tờ báo địa phương như Điều lệ của PVcomBank.
-	4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ <u>10%</u> tổng số Cổ phần của Ngân hàng trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất <u>03 (ba) ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng Cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại Ngân hàng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, kèm theo là tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị của người kiến nghị.	3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ <u>05%</u> tổng số Cổ phần của Ngân hàng trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất <u>05 (năm) ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng Cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại Ngân hàng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, kèm theo là tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị của người kiến nghị.	Khoản 4 được sửa đổi theo khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020, trong đó điều chỉnh thời hạn cổ đông gửi văn bản kiến nghị từ 03 ngày lên 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc để đảm bảo thời gian tiếp nhận và xử lý trên thực tế được khả thi.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau đây:</p> <p>5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>5.2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>5.3. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và không phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5.4. Người kiến nghị không xuất trình đủ các tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị cho Ngân hàng.</p>	<p>4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này <u>thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</u>. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>4.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>4.2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4.3. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và không phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>4.4. Người kiến nghị không xuất trình đủ các tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị cho Ngân hàng.</p>	Khoản 5 được sửa đổi theo khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020.
20	Sửa đổi Điều 31 “Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông”		
-	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.	Khoản 1 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	2. Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện cần thiết tham dự họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời	Hợp nhất khoản 2 và khoản 3 và sửa đổi cho phù hợp với

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc.</p> <p>3. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai theo khoản 2 Điều này được tiến hành khi có số Cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.</p>	<p>hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	<p>khoản 2, 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
-	<p>4. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện cần thiết tham dự cuộc họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc.</p> <p>5. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba theo khoản 4 Điều này được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông, tỷ lệ đại diện cần thiết và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát hoặc các Cổ đông khác có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông với tư cách quan sát viên nếu không tham dự họp với tư cách Cổ đông, để giám sát quá trình tổ chức và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba.</p>	<p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Hợp nhất khoản 4 và khoản 5 và sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
-	<p>6. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có</p>	-

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều lệ này.	quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều lệ này.	
21	Sửa đổi khoản 2, khoản 3, khoản 4, điểm 6.6 khoản 6 Điều 32 “Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông”		
-	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng <u>cách thu thẻ biểu quyết, kiểm phiếu tập hợp số phiếu</u> biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	Khoản 2 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	3. <u>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội.</u> Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	3. <u>Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết sau khi đăng ký.</u> Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	Khoản 3 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu 01 người trong số họ làm chủ tọa; trường hợp <u>không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu ra chủ tọa cuộc họp trong số những người đến dự họp	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</u> các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu 01 người trong số họ làm chủ tọa <u>cuộc họp theo nguyên tắc đa số</u> ; trường hợp <u>không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành</u> để Đại hội đồng cổ	Khoản 4 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	đồng bầu ra chủ tọa cuộc họp trong số những người đến dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	
-	6.6. Thời gian hoãn tối đa đối với các trường hợp nêu tại khoản 6 Điều này không quá <u>03 ngày</u> , kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.	Thời gian hoãn tối đa đối với các trường hợp nêu tại khoản 6 Điều này không quá <u>03 ngày làm việc</u> , kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.	Điểm 6.6 khoản 6 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.
22	Sửa đổi khoản 2, khoản 4 Điều 33 “Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông”		
-	2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, <u>nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</u>	2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập <u>hợp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u>	Khoản 2 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các <u>điểm 1.1; 1.4; 1.6; 1.16 khoản 1 Điều 27</u> phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: 4.1. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; 4.2. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản	Khoản 4 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 4 Điều 59 Luật các TCTD.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
		trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ của Ngân hàng; 4.3. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng; 4.4. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.	
23	Sửa đổi khoản 1, điểm 6.1, 6.6, 6.7 khoản 6, khoản 7 và bỏ khoản 4 Điều 34 “Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông”		
-	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng (<i>trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ này</i>);	Bổ sung trường hợp ngoại trừ cho hoàn thiện.
-	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.		Bỏ khoản 4 do lặp ý với điểm 5.1 khoản 5 Điều 34 Điều lệ này.
-	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng.	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng.	Khoản 6 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 3, 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số <u>và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh</u>;</p> <p>...</p> <p>6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>6.7. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	<p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp</u>;</p> <p>...</p> <p>5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, người giám sát kiểm phiếu <u>và người kiểm phiếu</u>.</p> <p>5.7. Các thành viên Hội đồng quản trị, <u>người kiểm phiếu</u> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	
-	<p>7. <u>Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu</u>;</p>	<p>6. <u>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, tất cả các nghị quyết phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước</u>.</p>	Khoản 7 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 61 Luật các TCTD.
24	Sửa đổi Điều 35 “Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông”		
-	<p>1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các Cổ đông trong vòng 15</p>	<p>1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các Cổ đông <u>hoặc đăng tải trên</u></p>	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	(mười lăm) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, <u>có chữ ký xác nhận của Chủ toạ đại hội và Thư ký và được thông qua tại Đại hội</u> . Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.	<u>trang thông tin điện tử của Ngân hàng</u> trong vòng 15 (mười lăm) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, <u>có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài</u> . Chủ tọa và Thư ký cuộc họp <u>hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.	
-	<p>2. Các nội dung khác liên quan đến Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại <u>Điều 146</u> Luật Doanh nghiệp, cụ thể:</p> <p>2.1. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, <u>ơi đăng ký kinh doanh</u>;</p> <p>2.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.3. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>2.4. Chủ tọa và Thư ký;</p> <p>2.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p>	<p>2. Các nội dung khác liên quan đến Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại <u>Điều 150</u> Luật Doanh nghiệp, cụ thể:</p> <p>2.1. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <u>của Ngân hàng</u>;</p> <p>2.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.3. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>2.4. <u>Họ, tên</u> Chủ tọa và Thư ký;</p> <p>2.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>2.6. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>2.6. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, Phụ lục Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>2.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ <u>tổng số phiếu tán thành, không tán thành, và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp, các quyết định đã được thông qua;</u></p> <p>2.8. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.</p>	<p>Cổ đông dự họp, Phụ lục Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>2.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ <u>phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u></p> <p>2.8. <u>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>2.9. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.</p> <p><u>Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p>	
-		<p>3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	
-	<p>3. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.</p>	<p>4. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các <u>ngợi quyết</u>, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.	5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.	
25	Sửa đổi Điều 36 “Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông”		
-	<p>Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ các <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát</u> có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ <u>quyết định của</u> Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng theo</u> quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật; hoặc</p> <p>2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định</u> vi phạm quy định Điều lệ này hoặc quy định pháp luật.</p>	<p>Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết</u> hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông <u>hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp <u>và ra quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật (<u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ này</u>); hoặc</p> <p>2. <u>Nội dung nghị quyết</u> vi phạm quy định Điều lệ này hoặc quy định pháp luật.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020.
26	Sửa đổi điểm 1.1 khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 7 Điều 41 “Bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị”		
-	<p>1. Đại hội đồng cổ đông bầu, <u>miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp quy định của pháp luật, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp quy định của pháp luật, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân</p>	Khoản 1 được sửa đổi như sau: (i) bỏ nội dung về <u>miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 01 hoặc một số ứng cử viên. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu <u>ba mươi (30) ngày</u>, Hội đồng quản trị ngân hàng phải thông báo cho các <u>Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập (trường hợp chưa bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc chưa đủ số thành viên theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.</p>	<p>với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 01 hoặc một số ứng cử viên. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu <u>ba mươi (30) ngày làm việc</u>, Hội đồng quản trị ngân hàng phải thông báo cho các <u>Cổ đông phổ thông</u> về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập (trường hợp chưa bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc chưa đủ số thành viên theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.</p>	<p>phiếu vì quy định này là không chính xác; (ii) sửa đổi điểm 1.1 về thời gian thông báo cho cổ đông từ 30 ngày thành 30 ngày làm việc cho phù hợp với khoản 3 Điều 8 Thông tư số 22/2018/TT-NHNN.</p>
-	<p>2. Hội đồng quản trị có từ 05 (năm) thành viên đến 11 (mười một) thành viên. <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Ngân hàng là 05 (năm) năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có từ 05 (năm) thành viên đến 11 (mười một) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Ngân hàng là 05 (năm) năm. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng</p>	<p>Khoản 2 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 2 Điều 43 Luật các TCTD.</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.	cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.	
-	4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, <u>miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN và Điều lệ này. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.	4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN và Điều lệ này. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.	Khoản 4 được sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 22/2018/TT-NHNN (NHNN không chuẩn y hồ sơ xin <u>miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> Chủ tịch và các thành viên HĐQT).
-	7. Các Cổ đông nắm giữ Cổ phần có quyền biểu quyết <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị phù hợp quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.	7. Các Cổ đông nắm giữ Cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị phù hợp quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.	Sửa đổi khoản 7 cho phù hợp với khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 2 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
27	Sửa đổi khoản 1, điểm 2.1 khoản 2, khoản 3, khoản 4 và bổ sung điểm 5.7 khoản 5 Điều 42 “Bầu, bổ nhiệm Ban Kiểm soát”		
-	1. Đại hội đồng cổ đông bầu, <u>miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp quy định của pháp luật. Quy định về việc gộp số quyền biểu quyết, số lượng nhân sự được	1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp quy định của pháp luật. Quy định về việc gộp số quyền biểu quyết, số lượng nhân sự được đề cử của các cổ đông, nguyên	Khoản 1 được sửa đổi như sau: (i) bổ nội dung về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS theo phương thức bầu dồn

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	đề cử của các cổ đông, nguyên tắc xác định người trúng cử được áp dụng như quy định tại khoản 7, 8, 9 Điều 41 Điều lệ này. <u>Ban Kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.</u>	tắc xác định người trúng cử được áp dụng như quy định tại khoản 7, 8, 9 Điều 41 Điều lệ này.	phiếu vì quy định này là không chính xác; (ii) bỏ nội dung “ <u>Ban Kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát</u> ” để đưa vào khoản 3 Điều này cho phù hợp.
-	2.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu <u>ba mươi (30) ngày</u> , Hội đồng quản trị ngân hàng phải thông báo cho các <u>Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Ban Kiểm soát; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.	2.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu <u>ba mươi (30) ngày làm việc</u> , Hội đồng quản trị ngân hàng phải thông báo cho các <u>Cổ đông phổ thông</u> về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Ban Kiểm soát; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi thời gian thông báo cho cổ đông từ 30 ngày thành 30 ngày làm việc cho phù hợp với khoản 3 Điều 8 Thông tư số 22/2018/TT-NHNN.
-	3. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, số lượng thành viên Ban kiểm soát của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Ban kiểm soát là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác. Thành viên Ban kiểm soát bầu một trong số các thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Ngân hàng.</u>	3. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, số lượng thành viên Ban kiểm soát của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Ban kiểm soát là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác. Thành viên Ban kiểm soát bầu một trong số các thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát; <u>việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.</u>	Khoản 3 được sửa đổi như sau: (i) bỏ điều kiện của Trưởng BKS vì không còn phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020; (ii) bổ sung nội dung “ <u>việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số</u> ” cho phù hợp với khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	4. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát có cùng nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại.</u> Việc thay thế thành viên Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.	4. <u>Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Việc thay thế thành viên Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.	Khoản 4 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 4 Điều 44 Luật các TCTD.
-		5. Thành viên Ban Kiểm soát phải hội đủ những tiêu chuẩn sau: ... 5.7. Thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Ngân hàng và công ty mẹ của Ngân hàng; người đại diện phần vốn của Ngân hàng, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ của Ngân hàng và tại Ngân hàng.	Bổ sung điểm 5.7 khoản 5 cho phù hợp với khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020.
28	Bỏ khoản 3 Điều 46 “Nghĩa vụ thận trọng”		
-	3. Trong trường hợp Ngân hàng không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, các chủ thể nêu trên: 3.1. Phải thông báo tình hình tài chính của Ngân hàng cho tất cả chủ nợ biết;		Bỏ khoản 3 do chưa thấy cơ sở pháp lý của các nghĩa vụ này, đồng thời, quy định này xung đột với nguyên tắc “không tiết lộ bí mật ngân hàng” của thành viên HĐQT, thành viên BKS,

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>3.2. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm trên của khoản này;</p> <p>3.3. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Ngân hàng;</p>		TGD, thành viên Ban Điều hành và Người quản lý khác tại khoản 1 Điều 46 Điều lệ PVcomBank.
29	Sửa đổi khoản 4 Điều 47 “Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi”		
-	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Ngân hàng có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp như sau:</p> <p>4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc Cổ phần, tỷ lệ, thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc Cổ phần đó.</p> <p>4.2. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng Cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% Vốn điều lệ.</p> <p>4.3. Việc kê khai phải thực hiện trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với</p>	<p>4. Trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan:</p> <p>4.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p>	Khoản 4 được sửa đổi cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>Ngân hàng trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>4.4. Việc kê khai các lợi ích có liên quan phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p>	<p>4.2. Việc công khai thông tin quy định tại điểm 4.1 khoản 4 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>4.3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại điểm 4.1 khoản 4 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>4.4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này.</p>	
30	Sửa đổi Điều 48 “Trách nhiệm và bồi thường”		
	<p>Điều 48. Trách nhiệm và bồi thường</p> <p>1. Trách nhiệm.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên của Ban điều hành và người quản lý khác của Ngân hàng phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng và các Quy chế nội bộ của Ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.</p>	<p>Điều 48. Trách nhiệm về <u>thiệt hại</u> và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Ngân hàng bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự,</p>	<p>Sửa theo Điều 48 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>2. Bồi thường</p> <p>Ngân hàng sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các Quy chế của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.</p>	<p>hành chính và không phải là các vụ kiện do Ngân hàng là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Ngân hàng ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Ngân hàng, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	
31	Sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 15 và bổ khoản 12, khoản 24, khoản 30 Điều 50 “Nhiệm vụ và Quyền hạn của Hội đồng quản trị”		
-	3. Quyết định cơ cấu tổ chức <u>của Trụ sở chính, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, Chi nhánh, Công ty con, Văn phòng đại diện.</u>	3. Quyết định cơ cấu tổ chức, <u>quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng.</u>	Khoản 3 được sửa đổi cho phù hợp với điểm 1 khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, đồng thời đảm bảo phù hợp với điểm 1.13, 1.17 khoản 1 Điều 27 và khoản 6 Điều 50 Điều lệ.
-	4. Quyết định việc mở Chi nhánh, thành lập Văn phòng đại diện.	4. Quyết định việc mở chi nhánh, <u>phòng giao dịch, thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</u>	Sửa đổi khoản 4 cho phù hợp với khoản 4 Điều 63 Luật các TCTD và khoản 1 Điều 3 Thông tư số 21/2013/TT-NHNN.
-	12. Phê duyệt kế hoạch/mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và những điều chỉnh, sửa đổi (nếu		Bổ khoản 12 để ghi nhận quyền <u>phê duyệt kế hoạch</u>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	có) do Tổng Giám đốc đề nghị.		<u>kinh doanh hàng năm</u> cho ĐHĐCĐ, phù hợp với khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020.
-	15. Xem xét, phê duyệt <u>và công bố</u> báo cáo thường niên <u>và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</u>	15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.	Sửa đổi khoản 15 cho phù hợp với khoản 14 Điều 63 Luật các Tổ chức tín dụng.
-	24. Quy định các chính sách/cơ chế lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, tiền phạt đối với khách hàng áp dụng trong hệ thống Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật.		Đề xuất bãi bỏ khoản 24, bởi lý do các nội dung liên quan đến chính sách/cơ chế lãi suất, tỷ lệ hoa hồng; phí, tiền phạt đối với khách hàng phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng sẽ do Tổng Giám đốc quyết định theo: - Khoản 2 Điều 148 Luật các TCTD; - Khoản 2 Điều 5 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
-	30. Quyết định các vấn đề khác liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.		Bỏ khoản 30 vì đã có trong nội dung trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số công việc giữa 2 phiên họp ĐHĐCĐ.
32	Bỏ khoản 6 Điều 51 “Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị”		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.		Bỏ khoản 6 vì theo Điều 65 Luật các TCTD thì thành viên HĐQT không có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.
33	Sửa đổi khoản 1, điểm 2.11 khoản 2 và khoản 3 Điều 52 “Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị”		
-	1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.	Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.	Bỏ chức danh “Phó Chủ tịch HĐQT do không có cơ sở pháp lý về chức danh này và trên thực tế PVcomBank cũng không có chức danh này.
-	2.11. Các quyền và nhiệm vụ khác <u>theo quy định của pháp luật.</u>	2.11. Các quyền và nhiệm vụ khác <u>theo quy định tại Điều lệ này.</u>	Điểm 2.11 khoản 2 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 10 Điều 64 Luật các TCTD.
-	3. Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho <u>một Phó Chủ tịch hoặc</u> một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền <u>hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình</u> thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số <u>quá bán.</u>	3. Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn</u>	Khoản 3 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
		<i>trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</i> thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
34	Sửa đổi khoản 1 Điều 54 “Thay thế thành viên Hội đồng quản trị”		
	1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thì <u>Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc một Phó Chủ tịch (trường hợp không có Phó Chủ tịch thứ nhất) tạm thời điều hành công việc của Hội đồng quản trị</u> . Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.	1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thì <u>các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</u> . Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Khoản 1 được sửa đổi cho phù hợp với khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.
35	Sửa đổi Điều 55 “Các cuộc họp của Hội đồng quản trị”		
	Điều 55. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị mới được bầu phải nhóm họp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu	Điều 55. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày	Sửa đổi theo Điều 30 Điều lệ mẫu (ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC)

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số quá bán, chọn 01 người trong số họ để triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác.</p> <p>3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>4.1. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;</p> <p>4.2. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;</p> <p>4.3. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>3.1. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>3.2. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;</p> <p>3.3. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>3.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể</p>	<p>và Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và các tài liệu liên quan khác (nếu có).</p> <p>Thông báo mời họp được gửi thông qua bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể mời người khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (nếu cần thiết). Thành viên tham dự họp không phải là Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản</p>	<p>từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.</p> <p>8. Ngân hàng quy định trong Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.</p> <p>9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa</p>	<p>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>9.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>9.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dẫn kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người trực tiếp dự họp.</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số quá bán thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</p> <p>11. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số quá bán phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>12. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Thẻ thức và nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của</p>	<p>11. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>13. Biên bản họp Hội đồng quản trị:</p> <p>13.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.</p> <p>13. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm 13.2 khoản 13 Điều này.</p> <p>13.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết a, b, c, d, đ, e, g và h điểm 13.1 khoản 13 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>13.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>13.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>13.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
		<p>và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>14. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật có liên quan.</p>	
36	Bỏ điểm 4.7, sửa đổi điểm 4.8 khoản 4 Điều 58 “Tổng Giám đốc”		
-	4.7. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động của Ngân hàng theo đúng pháp luật và quy định do Hội đồng quản trị ban hành, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;		Nội dung này được quy định phù hợp với điểm e khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020. Tuy nhiên, bị trùng so với điểm 4.8 khoản 4 Điều 58 Điều lệ này (căn cứ Khoản 13 Điều 49 Luật các TCTD). Do đó, đề nghị bỏ.
-	4.8. Tuyển dụng lao động; quyết định lương thưởng của Người lao động theo thẩm quyền;	4.7.Tuyển dụng lao động; quyết định lương thưởng của Người lao động theo thẩm quyền <u>do Hội đồng quản trị ban hành</u> ;	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng.
37	Sửa đổi, bổ sung từ khoản 11 đến khoản 17 Điều 62 “Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát”		
-	11. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phải đảm bảo rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho	11. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát: 11.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:	Sửa đổi khoản 11 cho phù hợp với Điều 171 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.	<p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;</p> <p>b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.</p> <p>11.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Ngân hàng trong giờ làm việc.</p> <p>11.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</p>	
-	<p>12. Chủ trì đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Người điều hành Ngân hàng.</p> <p>13. Định kỳ thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các</p>	<p>12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p>	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 39 Điều lệ mẫu (ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC).

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>14. Tham gia các cuộc hội thảo, các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp do Ngân hàng tổ chức hoặc các đơn vị khác tổ chức theo đề nghị của Ban Kiểm soát.</p> <p>15. Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>14. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.</p> <p>16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Ngân hàng, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
-	16. <u>Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận</u> kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.	19. <u>Thực hiện giám sát đối với</u> kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 1 Điều 13 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.
-	17. Các <u>nhiệm vụ, quyền hạn</u> khác theo quy định pháp luật.	20. Các <u>quyền và nghĩa vụ</u> khác theo quy định pháp luật và <u>Điều lệ này</u> .	
38	Bổ khoản 2 và khoản 6 Điều 65 “Thay thế thành viên Ban Kiểm soát”		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
-	2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày xác định được Thành viên Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm theo tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN, công bố thông tin theo quy định pháp luật và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục để bầu thành viên Ban Kiểm soát mới theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		Bỏ khoản 2 do bị trùng lặp và không phù hợp với khoản 2 Điều 40 Điều lệ, khoản 2 Điều 35 Luật các tổ chức tín dụng.
-	6. Trưởng ban và Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.		Bỏ khoản 6 do bị lặp với khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 44 Điều lệ này.
39	Sửa đổi Điều 66 “Cuộc họp của Ban Kiểm soát”		
	1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ mới phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu 01 (một) người trong số họ để triệu tập họp Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số quá bán.	1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 40 Điều lệ mẫu.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.</p> <p>3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:</p> <p>3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>3.2. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>3.3. Trưởng Ban Kiểm soát;</p> <p>3.4. Đa số thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>3.5. Tổng Giám đốc;</p> <p>3.6. Theo yêu cầu của NHNN.</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.</p> <p>4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm 3.1; 3.2; 3.4; 3.5 khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau 02 (hai) lần đề nghị kế tiếp kể trên mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo</p>	<p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>cáo NHNN và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, trình NHNN chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại (nếu có).</p> <p>5. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát phải được gửi tối thiểu 02 (hai) ngày trước ngày họp.</p> <p>6. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo.</p> <p>7. Sau 02 (hai) lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị</p>		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo đề Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>8. Biểu quyết.</p> <p>8.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.</p> <p>8.2. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có</p>		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.</p> <p>8.3. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.</p> <p>9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự biểu quyết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát. Tại cuộc họp, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không. Trong trường hợp Thành viên Ban Kiểm soát chỉ biết về sự tồn tại quyền lợi của mình liên quan tới hợp đồng/thỏa thuận giao kết với Ngân hàng sau khi hợp đồng/thỏa thuận đó được giao kết hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi Thành viên đó biết được quyền lợi liên quan của mình.</p> <p>10. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số quá bán thành viên</p>		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).</p> <p>11. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:</p> <p>11.1. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số quá bán các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;</p> <p>11.2. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.</p> <p>12. Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi thành biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được chủ tọa, các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính</p>		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.		
40	Sửa đổi khoản 1 Điều 69 “Quan hệ giữa Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc”		
-	1. Các Đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, bao gồm <u>Sở Giao dịch</u> , Chi nhánh, Văn phòng đại diện.	1. Các Đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, bao gồm: Chi nhánh, <u>Phòng giao dịch</u> , Văn phòng đại diện, <u>Đơn vị sự nghiệp ở trong nước</u> .	Khoản 1 được sửa đổi cho phù hợp với Điều 3 Thông tư số 21/2013/TT-NHNN.
41	Sửa đổi khoản 1 Điều 77 “Kiểm toán”		
-	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định chọn một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật. Công ty kiểm toán độc lập phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu pháp luật có yêu cầu.	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định <u>hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định</u> chọn một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật. Công ty kiểm toán độc lập phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu pháp luật có yêu cầu.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 2 Điều 7 Thông tư 39/2011/TT-NHNN ngày 15/11/2011 quy định về kiểm toán độc lập đối với TCTD, Chi nhánh NHNN.
42	Sửa đổi Điều 78 “Con dấu”		
	Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng con dấu Ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Ngân hàng, chi nhánh,	Sửa đổi theo Điều 58 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
		phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng (nếu có). 3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật có liên quan.	
43	Sửa đổi Điều 81 “Trả cổ tức”		
	<p>1. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Ngân hàng chi trả cổ tức cho Cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).</p> <p>2. Cổ tức được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>3. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày trả cổ tức.</p> <p>4. Cổ tức có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi</p>	<p>1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.</p> <p>2. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức của Cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>2.1. Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.2. Đã trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>2.3. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</p> <p>3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và</p>	Sửa đổi theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của Cổ đông.</p> <p>5. Trong trường hợp Cổ đông yêu cầu Ngân hàng thanh toán cổ tức bằng phương thức chuyển khoản, Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng theo thông báo của Cổ đông, Ngân hàng không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.</p> <p>6. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các Cổ phần này có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</p> <p>7. Thông báo về việc trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông thuộc danh sách quy định tại khoản 3 Điều này trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng; họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần</p>	<p>theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký Cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>4.1. Tên Ngân hàng và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>4.2. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân;</p> <p>4.3. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;</p> <p>4.4. Số lượng Cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng Cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận;</p> <p>4.5. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng Cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng.</p> <p>8. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong khoảng thời gian từ sau thời điểm hoàn thiện danh sách cổ đông được trả cổ tức và trước thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.</p> <p>9. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>10. Ngân hàng không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà Cổ đông chưa nhận được khi đến hạn trả cổ tức.</p>	<p>4.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.</p> <p>5. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.</p> <p>6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng Cổ phần, Ngân hàng không phải làm thủ tục chào bán Cổ phần theo quy định pháp luật và Điều lệ này. Ngân hàng phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các Cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</p>	
44	Sửa đổi Điều 82 “Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý”		
	<p>Điều 82. Báo cáo tài chính <u>hàng năm, sáu tháng và hàng quý</u></p> <p>1. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Nhà nước. Báo cáo tài</p>	<p>Điều 82. Báo cáo tài chính <u>năm, bán niên và quý</u></p> <p>1. Ngân hàng phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Điều 55 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>chính hàng năm của Ngân hàng phải lập một cách trung thực và khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.</p> <p>2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất; báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.</p> <p>3. Ngân hàng lập báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng và hàng quý, nộp cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tổng Giám đốc Ngân hàng tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại khoản 1, 2,3 Điều này.</p> <p>5. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại khoản 4 Điều này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của Ngân hàng, các báo cáo về tình hình tài chính của Ngân hàng và gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định kiểm soát và báo cáo kiểm toán của Ngân hàng phải được hoàn thiện chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>3. Ngân hàng phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>7. Ngân hàng niêm yết Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán và được Ban Kiểm soát thẩm định tại trụ sở chính của Ngân hàng và Thông báo đến tất cả các Cổ đông chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông, công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán, báo cáo quý và 06 (sáu) tháng của Ngân hàng được công bố trên website chính thức của Ngân hàng.</p> <p>8. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>		
45	Bổ sung Điều 83 (mới)		
		<p>Điều 83. Báo cáo thường niên</p> <p>Ngân hàng phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	Bổ sung theo Điều 56 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
46	Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 83 (cũ) “Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ”		
	<p>Điều 83. Quyền <u>tiếp cận, kiểm tra</u> sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về chính Cổ đông đó trong danh sách cổ đông của Ngân hàng; xem xét, tra cứu</p>	<p>Điều 84. Quyền <u>tra cứu</u> sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông có quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ theo Điều lệ này và quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp.</p>	Hợp nhất khoản 1 với khoản 2 và sửa đổi cho toàn diện.

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp quy định của pháp luật.</p> <p>2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này.</p>		
47	Sửa đổi điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 84 “Chế độ lưu giữ tài liệu”		
-	<p>1.6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; và các quyết định của Ngân hàng;</p> <p>1.7. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán của Ngân hàng;</p>	<p>1.6. <u>Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu</u>, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; và các quyết định của Ngân hàng;</p> <p>1.7. Bản cáo bạch để <u>chào bán hoặc niêm yết</u> chứng khoán của Ngân hàng;</p>	Điểm 1.6, 1.7 được sửa đổi cho phù hợp với Điều 11 Luật Doanh nghiệp 2020.
48	Bỏ Điều 85 “Công bố thông tin”		
	<p>Điều 85. Công bố thông tin</p> <p>Ngân hàng phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật liên quan.</p>		Bỏ do đã quy định tại Điều 82, 83 Điều lệ (sau khi sửa đổi).
49	Sửa đổi khoản 4 Điều 87 “Giải thể Ngân hàng”		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
	<p>4. Ban Thanh lý:</p> <p>4.1. Trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể Ngân hàng, Hội đồng quản trị thành lập Ban Thanh lý gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định có chuyên môn về kế toán, kiểm toán và hai thành viên (hoặc các thành viên còn lại của Ban Thanh lý) do Đại hội đồng cổ đông chỉ định.</p> <p>4.2. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của Ngân hàng hoặc thuê chuyên gia độc lập.</p> <p>4.3. Ban Thanh lý trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý.</p> <p>4.4. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản được Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.</p> <p>4.5. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập Ban Thanh lý và ngày Ban Thanh lý bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác.</p>	<p>4. Hội đồng thanh lý: Thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thanh lý thực hiện theo quy định pháp luật. Trường hợp pháp luật không quy định thì thực hiện theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi khoản 4 cho phù hợp với quy định về thành phần Hội đồng thanh lý tại Thông tư 11/2020/TT-NHNN.</p>
50	Bổ sung khoản 2 Điều 91 “Điều khoản chung”		

STT	Điều lệ năm 2019	Điều lệ sửa đổi năm 2021	Lý do sửa đổi
		2. Trường hợp có sự khác nhau giữa các quy định pháp luật về tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng thì việc áp dụng pháp luật được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung nguyên tắc áp dụng pháp luật cho phù hợp với khoản 2 Điều 3 Luật các Tổ chức tín dụng.
51	Một số điều chỉnh khác nhằm cập nhật các dẫn chiếu quy định pháp luật mới/điều chỉnh thuật ngữ pháp lý cho phù hợp.		